

Số: **38**/2021/CBTT-ASC  
V/v: BCTC bán niên 2021 và BC tỷ lệ  
ATTC tại ngày 30/6/2021 đã được soát xét.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày **12** tháng **08** năm 2021

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN)**

**I. Tổ chức công bố thông tin**

- Tên công ty : Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC (ASC)
- Giấy phép thành lập và hoạt động số : 106/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 08/4/2009.
- Trụ sở chính : Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, số 41- 43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3 TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (028) 38 258 106
- Fax : (028) 38 248 655
- Người thực hiện công bố thông tin : Huỳnh Thị Dương Thiện
- Loại thông tin công bố :  Định kỳ  Bất thường  Theo yêu cầu

**II. Nội dung thông tin công bố**

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, ASC công bố thông tin:

1. Báo cáo tài chính bán niên năm 2021 đã được soát xét.
2. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/6/2021 đã được soát xét.
3. Văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bán niên 2021 thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo bán niên 2020.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC tại đường dẫn: <http://asc.com.vn/asc-cong-bo-bctc-ban-nien-2021-va-bao-cao-ty-le-atc-tai-ngay-30-6-2021-da-duoc-soat-xet/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.



Người được ủy quyền công bố thông tin

**HUỲNH THỊ DƯƠNG THIỆN**

**CV: 37/CV-ASC/2021**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2021

V/v Giải trình LNST 6 tháng đầu năm 2021  
 chênh lệch 10% so với 6 tháng đầu năm 2020

**Kính gửi** : Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước

Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2021 chênh lệch 10% so với 6 tháng đầu năm 2020 như sau:

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020	So sánh	
			Chênh lệch	% CL
1. Doanh thu hoạt động	567.058.020	139.368.402	427.689.618	307%
2. Chi phí	(2.934.598.507)	2.222.487.503	(5.157.086.010)	-232%
3. Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	3.501.656.527	(2.083.119.101)	5.584.775.628	268%
4. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	3.501.656.527	(2.083.119.101)	5.584.775.628	268%

- Doanh thu 6 tháng đầu năm 2021 đạt 567 triệu đồng, tăng 427 triệu đồng (tương đương 307%) so với 6 tháng đầu năm 2020

- Chi phí 6 tháng đầu năm 2021 là -2,9 tỷ đồng, giảm 5,15 tỷ đồng (tương đương 232%) so với 6 tháng đầu năm 2020, nguyên nhân chủ yếu là hoàn nhập dự phòng các khoản phải thu khó đòi

→ Doanh thu tăng, chi phí phát sinh giảm mạnh dẫn đến lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2021 của ASC lãi 3,5 tỷ đồng và chênh lệch hơn 10% so với cùng kỳ năm 2020.

Trân trọng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

**Tổng Giám đốc**

**Đặng Quang Tý**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN ASC**



## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
4. Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	7 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	12 - 14
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	15 - 17
7. Báo cáo biến động vốn chủ sở hữu riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	18
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	19 - 33

\*\*\*\*\*



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 106/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08 tháng 4 năm 2009.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp bổ sung các Giấy phép sau:

- Quyết định số 71/UBCK-GCN ngày 08 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán cho Công ty.
- Quyết định số 313/UBCK-GP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty.
- Quyết định số 327/UBCK-GP ngày 26 tháng 05 năm 2010 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc thay đổi địa điểm trụ sở chính của Công ty.
- Quyết định số 98/GPĐC-UBCK ngày 06 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 36.000.000.000 VND lên 56.000.000.000 VND.
- Quyết định số 36/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc thay đổi tên Công ty.
- Quyết định số 04/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc rút nghiệp vụ Môi giới chứng khoán.
- Giấy phép điều chỉnh số 59/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc thay đổi người đại diện pháp luật.

### Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (28) 3825 8106
- Fax : +84 (28) 3824 8655

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: Tư vấn đầu tư chứng khoán.

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Công Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2021
Ông Nguyễn Tiên Phong	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2021
Bà Phạm Thanh Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2021
Ông Phan Minh Hoàn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2021
Ông Đặng Quang Tý	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2021
Bà Đặng Vũ Thanh Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2021

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Thái Minh	Trưởng ban	Ngày 26 tháng 4 năm 2018
Bà Đặng Thị Minh Thư	Thành viên	Ngày 23 tháng 12 năm 2014

## Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đặng Quang Tý - bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2013.

## Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ là Ông Phan Minh Hoàn – Chủ tịch Hội đồng Quản trị (đến ngày 07 tháng 7 năm 2021) và Ông Nguyễn Công Tuấn – Chủ tịch Hội đồng Quản trị (từ ngày 08 tháng 7 năm 2021).

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

## Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán của Công ty Chứng khoán được ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán của Công ty Chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Tổng Giám đốc**



**Đặng Quang Tý**

Ngày 12 tháng 08 năm 2021

02-C  
NH  
TY  
HỮU HA  
TỬ V  
C  
NỘI  
TP. H

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: I5-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0472/21/TC-AC

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2021, từ trang 07 đến trang 33, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ vào ngày 12 tháng 8 năm 2020 và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 vào ngày 29 tháng 3 năm 2021 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 0368-2018-008-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A, tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)</b>	<b>100</b>		<b>36.723.001.070</b>	<b>33.121.307.114</b>
<b>I. Tài sản tài chính</b>	<b>110</b>		<b>36.006.911.769</b>	<b>31.633.358.962</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	V.1	35.967.011.769	25.166.675.962
1.1. Tiền	111.1		35.967.011.769	25.166.675.962
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		-	-
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112		-	-
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113		-	-
4. Các khoản cho vay	114		-	-
5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115		-	-
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116		-	-
7. Các khoản phải thu	117		-	-
7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		-	-
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		-	-
7.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		-	-
7.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		-	-
8. Trả trước cho người bán	118	V.2	9.900.000	9.900.000
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	V.3	30.000.000	2.155.000.000
10. Phải thu nội bộ	120		-	-
11. Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán	121		-	-
12. Các khoản phải thu khác	122	V.4	-	7.626.152.175
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	V.5	-	(3.324.369.175)
<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>130</b>		<b>716.089.301</b>	<b>1.487.948.152</b>
1. Tạm ứng	131		675.300.000	1.429.097.625
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		-	-
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	V.6a	15.820.000	7.982.773
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	V.7a	-	1.130.000.000
5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		24.969.301	50.867.754
6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136		-	-
7. Tài sản ngắn hạn khác	137		-	-
8. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	138		-	-
9. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	139	V.5	-	(1.130.000.000)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A, tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250-260)</b>	<b>200</b>		<b>122.100.000</b>	<b>782.202.445</b>
<b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Các khoản phải thu dài hạn	211		-	-
2. Các khoản đầu tư	212		-	-
2.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1		-	-
2.2. Đầu tư vào công ty con	212.2		-	-
2.3. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	212.3		-	-
2.4. Đầu tư dài hạn khác	212.4		-	-
3. Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	213		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>107.100.000</b>	<b>632.708.453</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	-	489.908.453
Nguyên giá	222		-	2.376.225.011
Giá trị hao mòn lũy kế	223a		-	(1.886.316.558)
Đánh giá TSCĐHH theo giá trị hợp lý	223b		-	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226a		-	-
Đánh giá TSCĐTTC theo giá trị hợp lý	226b		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	107.100.000	142.800.000
Nguyên giá	228		2.839.121.305	2.839.121.305
Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(2.732.021.305)	(2.696.321.305)
Đánh giá TSCĐVH theo giá trị hợp lý	229b		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232a		-	-
Đánh giá BĐSĐT theo giá trị hợp lý	232b		-	-
<b>IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>15.000.000</b>	<b>149.493.992</b>
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	V.7b	15.000.000	126.244.000
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	V.6b	-	23.249.992
3. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	253		-	-
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254		-	-
5. Tài sản dài hạn khác	255		-	-
<b>VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn</b>	<b>260</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>36.845.101.070</b>	<b>33.903.509.559</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A, tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+340)</b>	<b>300</b>		<b>767.351.900</b>	<b>1.327.416.916</b>
<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>767.351.900</b>	<b>1.327.416.916</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		-	-
1.1. Vay ngắn hạn	312		-	-
1.2. Nợ thuê tài chính ngắn hạn	313		-	-
2. Vay tài sản tài chính ngắn hạn	314		-	-
3. Trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn - Cấu phần nợ	315		-	-
4. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316		-	-
5. Vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	317		-	-
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		-	-
7. Phải trả về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	319		-	-
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	V.10	-	5.266.940
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	V.11	675.300.000	725.300.000
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	V.12	49.848.400	53.922.640
11. Phải trả người lao động	323		-	211.428.134
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		21.725.500	98.821.628
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	V.13	20.478.000	42.406.000
14. Phải trả nội bộ ngắn hạn	326		-	-
15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		-	-
16. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328		-	-
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	V.14	-	190.271.574
18. Dự phòng phải trả ngắn hạn	330		-	-
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		-	-
20. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	332		-	-
<b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>340</b>		-	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	341		-	-
1.1. Vay dài hạn	342		-	-
1.2. Nợ thuê tài chính dài hạn	343		-	-
2. Vay tài sản tài chính dài hạn	344		-	-
3. Trái phiếu chuyển đổi dài hạn - Cấu phần nợ	345		-	-
4. Trái phiếu phát hành dài hạn	346		-	-
5. Phải trả người bán dài hạn	347		-	-
6. Người mua trả tiền trước dài hạn	348		-	-
7. Chi phí phải trả dài hạn	349		-	-
8. Phải trả nội bộ dài hạn	350		-	-
9. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	351		-	-
10. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	352		-	-
11. Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	353		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	354		-	-
13. Quỹ bảo vệ Nhà đầu tư	355		-	-
14. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356		-	-
15. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	357		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A, tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)</b>	<b>400</b>		<b>36.077.749.170</b>	<b>32.576.092.643</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>36.077.749.170</b>	<b>32.576.092.643</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		56.000.000.000	56.000.000.000
1.1 Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		56.000.000.000	56.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		56.000.000.000	56.000.000.000
b. Cổ phiếu ưu đãi	411.1b		-	-
1.2 Thặng dư vốn cổ phần	411.2		-	-
1.3 Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cầu phần vốn	411.3		-	-
1.4 Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		-	-
1.5 Cổ phiếu quỹ	411.5		-	-
2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412		-	-
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		-	-
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		-	-
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		-	-
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		-	-
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417		(19.922.250.830)	(23.423.907.357)
7.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		(19.922.250.830)	(23.423.907.357)
7.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>440</b>		<b>36.845.101.070</b>	<b>33.903.509.559</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A, tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
1. Ngoại tệ các loại	005		25,07	27,82
2. Cổ phiếu đang lưu hành	006		5.600.000	5.600.000

Lập, ngày 12 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu

Phan Thị Minh Huyền

Q. Kế toán trưởng

Phan Thị Minh Huyền

Tổng Giám đốc



Đặng Quang Tý

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A, tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		-	-
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1		-	-
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	01.2		-	-
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3		-	-
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02		-	-
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03		-	-
1.4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04		-	-
1.5. Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	05		-	-
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		-	-
1.7. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		-	-
1.8. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		-	-
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		-	-
1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		45.454.545	138.181.818
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11		-	-
<b>Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01-&gt;11)</b>	<b>20</b>	<b>VI.1</b>	<b>45.454.545</b>	<b>138.181.818</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		-	-
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1		-	-
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2		-	-
c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	21.3		-	-
2.2. Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	22		-	-
2.3. Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	23		-	-
2.4. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		-	-
2.5. Lỗ từ các tài sản tài chính phái sinh phòng ngừa rủi ro	25		-	-
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26		-	-
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		-	-
2.8. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		-	-
2.9. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29		-	-
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		-	-
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		696.099.716	1.373.050.188
2.12. Chi phí các dịch vụ khác	32		-	-
<b>Cộng chi phí hoạt động (40 = 21-&gt;32)</b>	<b>40</b>	<b>VI.2</b>	<b>696.099.716</b>	<b>1.373.050.188</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A, tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		-	-
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		3.009.039	1.186.584
3.3. Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	43		-	-
3.4. Doanh thu khác về đầu tư	44		-	-
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41-&gt;44)</b>	<b>50</b>	<b>VI.3</b>	<b>3.009.039</b>	<b>1.186.584</b>
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		-	-
4.2. Chi phí lãi vay	52		-	-
4.3. Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	53		-	-
4.4. Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	54		-	-
4.5. Chi phí tài chính khác	55		-	-
<b>Cộng chi phí tài chính (60 = 51-&gt;55)</b>	<b>60</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. CHI PHÍ BÁN HÀNG</b>	<b>61</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>62</b>	<b>VI.4</b>	<b>(4.097.238.435)</b>	<b>849.437.315</b>
<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70= 20+50-40 -60-61-62)</b>	<b>70</b>		<b>3.449.602.303</b>	<b>(2.083.119.101)</b>
<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
8.1. Thu nhập khác	71	VI.5	518.594.436	-
8.2. Chi phí khác	72	VI.6	466.540.212	-
<b>Cộng kết quả hoạt động khác (80= 71-72)</b>	<b>80</b>		<b>52.054.224</b>	<b>-</b>
<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)</b>			<b>3.501.656.527</b>	<b>(2.083.119.101)</b>
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		-	-
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		-	-
<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>100</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	101		-	-
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	102		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A, tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)</b>	<b>200</b>		<b>3.501.656.527</b>	<b>(2.083.119.101)</b>
<b>XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN</b>	<b>300</b>		-	-
12.1. Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	301		-	-
12.2. Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá của hoạt động tại nước ngoài	302		-	-
12.3. Lãi, lỗ đánh giá lại tài sản cố định theo mô hình giá trị hợp lý	303		-	-
12.4. Lãi, lỗ toàn diện khác	304		-	-
<b>Tổng thu nhập toàn diện</b>	<b>400</b>		-	-
<b>XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>	<b>500</b>		-	-
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	VI.7	625	(372)
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502	VI.7	625	(372)

Lập, ngày 12 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu



Phan Thị Minh Huyền

Q. Kế toán trưởng



Phan Thị Minh Huyền



Đặng Quang Tý

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A, tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01		3.501.656.527	(2.083.119.101)
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02			
- Khấu hao tài sản cố định	03	V.8,9	78.696.684	87.296.028
- Các khoản dự phòng	04		(4.454.369.175)	
- (-Lãi) hoặc (+lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07	VI.5,6	(53.088.231)	-
- Dự thu tiền lãi	08		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	09		-	-
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		-	-
- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		-	-
- Lỗ suy giảm giá trị Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	12		-	-
- Lỗ suy giảm giá trị Các khoản cho vay	13		-	-
- Lỗ về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý TSTC sẵn sàng để bán AFS khi phân loại lại	14		-	-
- Suy giảm giá trị của các tài sản cố định, BĐSĐT	15		-	-
- Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	16		-	-
- Lỗ khác	17		-	-
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		-	-
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		-	-
- Lãi về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý TSTC sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	20		-	-
- Lãi khác	21		-	-
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		11.227.440.002	8.103.403.841
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		-	-
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		-	-
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		-	-
- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS	34		-	-
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A, tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		-	
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		2.125.000.000	5.400.000
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu về lỗi giao dịch các TSTC	38		-	-
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		7.626.152.175	8.900.000.000
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		2.020.940.078	(182.361.188)
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(21.928.000)	(39.244.912)
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		15.412.765	(1.759.360)
- (-) Thuế TNDN đã nộp	43		-	(21.755.249)
- (-) Lãi vay đã trả	44		-	-
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		(5.266.940)	
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		(77.096.128)	13.850.000
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		(4.074.240)	(97.010.115)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		(211.428.134)	(390.715.335)
- Tăng (giảm) phải trả về lỗi giao dịch các TSTC	49			
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		(240.271.574)	(83.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51			-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	52			-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>60</b>		<b>10.300.335.807</b>	<b>6.107.580.768</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	61		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, BĐSĐT và các tài sản khác	62		500.000.000	-
3. Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	63		-	-
4. Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	64		-	-
5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>70</b>		<b>500.000.000</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A, tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71		-	
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành	72		-	-
3. Tiền vay gốc	73		-	-
3.1 Tiền vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	73.1		-	-
3.2 Tiền vay khác	73.2		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		-	-
4.1 Tiền chi trả gốc vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	74.1		-	-
4.2 Tiền chi trả nợ gốc vay tài sản tài chính	74.2		-	-
4.3 Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		-	-
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	75		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	76		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>80</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm</b>	<b>90</b>		<b>10.800.335.807</b>	<b>6.107.580.768</b>
<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>101</b>	<b>V.1</b>	<b>25.166.675.962</b>	<b>25.051.992.968</b>
- Tiền	101.1		25.166.675.962	25.051.992.968
- Các khoản tương đương tiền	101.2		-	-
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	102		-	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>103</b>	<b>V.1</b>	<b>35.967.011.769</b>	<b>31.159.573.736</b>
- Tiền	103.1		35.967.011.769	31.159.573.736
- Các khoản tương đương tiền	103.2		-	-
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	104		-	-

Lập, ngày 12 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu



Phan Thị Minh Huyền

Q. Kế toán trưởng



Phan Thị Minh Huyền

Tổng Giám đốc



Đặng Quang Tý

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A, tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		Năm trước	Năm nay	Kỳ trước		Kỳ này		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
<b>I. Biến động vốn chủ sở hữu</b>									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	V.15	56.000.000.000	56.000.000.000					56.000.000.000	56.000.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		56.000.000.000	56.000.000.000					56.000.000.000	56.000.000.000
1.2. Cổ phiếu ưu đãi									
1.3. Thặng dư vốn cổ phần									
1.4. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn									
1.5. Vốn khác của chủ sở hữu									
2. Cổ phiếu quỹ (*)									
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ									
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ									
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý			-					-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái									
7. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu									
8. Lợi nhuận chưa phân phối	V.15	(19.839.688.996)	(23.423.907.357)		2.083.119.101	3.501.656.527		(21.922.808.097)	(19.922.250.830)
8.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(19.839.688.996)	(23.423.907.357)		2.083.119.101	3.501.656.527		(21.922.808.097)	(19.922.250.830)
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện									
<b>Tổng cộng</b>		<b>36.160.311.004</b>	<b>32.576.092.643</b>	<b>-</b>	<b>2.083.119.101</b>	<b>3.501.656.527</b>	<b>-</b>	<b>34.077.191.903</b>	<b>36.077.749.170</b>
<b>II. Thu nhập toàn diện khác</b>									
1. Lãi/lỗ từ đánh giá lại các TSTC sẵn sàng để bán									
2. Lãi, lỗ đánh giá lại TĐ theo mô hình giá trị hợp lý									
3. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá của hoạt động tại nước ngoài									
4. Lãi, lỗ toàn diện khác									
<b>Tổng cộng</b>									

Người lập biểu



Phan Thị Minh Huyền

Q. Kế toán trưởng



Phan Thị Minh Huyền



Lập, ngày 12 tháng 08 năm 2021

Tổng Giám đốc

Đặng Quang Tỷ

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 106/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08 tháng 4 năm 2009.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp bổ sung các Giấy phép sau:

- Quyết định số 71/UBCK-GCN ngày 08 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán cho Công ty.
- Quyết định số 313/UBCK-GP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty.
- Quyết định số 327/UBCK-GP ngày 26 tháng 05 năm 2010 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc thay đổi địa điểm trụ sở chính của Công ty.
- Quyết định số 98/GPĐC-UBCK ngày 06 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 36.000.000.000 VND lên 56.000.000.000 VND.
- Quyết định số 36/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc thay đổi tên Công ty.
- Quyết định số 04/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc rút nghiệp vụ Môi giới chứng khoán.
- Giấy phép điều chỉnh số 59/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc thay đổi người đại diện pháp luật.

#### 2. Địa chỉ liên hệ

- Địa chỉ : Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (28) 3825 8106
- Fax : +84 (28) 3824 8655

#### 3. Điều lệ hoạt động của Công ty

Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần ASC ban hành ngày 24/12/2007 và sửa đổi, bổ sung lần gần nhất vào tháng 4 năm 2021.

#### 4. Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

- Quy mô vốn : Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, tổng vốn điều lệ của Công ty là 56.000.000.000 đồng.  
Vốn chủ sở hữu là 36.077.749.170 đồng.  
Tổng tài sản là 36.845.101.070 đồng
- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh : Chứng khoán
- Hoạt động chính của Công ty : Tư vấn đầu tư chứng khoán

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

---

- **Cấu trúc Công ty** : Công ty không có Công ty con, công ty liên kết, đơn vị hạch toán phụ thuộc
- **Số lượng nhân viên của Công ty** : Tại thời điểm 30/06/2021 là 09 người  
Tại thời điểm 31/12/2020 là 16 người

## **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND)

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán của Công ty Chứng khoán được ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán của Công ty Chứng khoán được ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền gửi của các nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### 3. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được phân loại sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại vào nhóm:

Các khoản cho vay và các khoản phải thu;

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;

Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/ lỗ.

Tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá mua, cộng các chi phí giao dịch, phí môi giới, phí đại lý phát hành, phí ngân hàng (nếu có).

Trước ngày 01 tháng 01 năm 2017, các tài sản tài chính AFS được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, các tài sản tài chính AFS được phản ánh theo giá trị hợp lý và khoản lãi hay lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị hợp lý được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu (thu nhập toàn diện khác) ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị.

### 4. Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính được ngừng ghi nhận khi:

Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc

Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao, và:

- Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc
- Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Việc tiếp tục tham gia mà có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

### 5. Phân loại lại tài sản tài chính

***Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL***

Khi bán các tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL, Công ty thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

### *Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ*

Công ty thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác cho phù hợp, do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt, hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản giảm giá đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại sẽ không được hoàn nhập.

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá gốc trừ dự phòng (nếu có) do pháp luật chứng khoán hiện hành chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý.

## 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

### *Phải thu và dự thu tiền lãi các tài sản tài chính*

Phải thu và dự thu tiền lãi đến kỳ nhưng chưa nhận được tiền: tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính của Công ty được ghi nhận trên cơ sở lãi dồn tích theo thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ kế toán.

Phải thu và dự thu tiền lãi đến kỳ nhưng chưa đến kỳ nhận lãi: Hàng tháng Công ty dự thu các khoản lãi phát sinh từ các tài sản tài chính theo lãi suất thực tế và thời gian phát sinh trong kỳ.

### *Dự phòng suy giảm giá trị các khoản nợ phải thu*

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng suy giảm giá trị nợ phải thu cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý công ty chứng khoán.

## 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	04
Phương tiện vận tải truyền dẫn	08
Thiết bị dụng cụ quản lý	04

### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### ***Bản quyền, bằng sáng chế***

Nguyên giá của bản quyền tác giả, bằng sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền tác giả, bằng sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

#### ***Chương trình phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 04 năm.

### 9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 10. Vốn chủ sở hữu

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

### *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối kỳ trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối kỳ trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Và chỉ phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã bù trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

### **11. Doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu (nếu có). Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm kế toán.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

### **12. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### **13. Quản lý rủi ro tài chính**

#### *Tổng quan*

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Tổng Giám đốc phê duyệt.

#### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng.

### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn tại các ngân hàng trong nước. Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính.

### *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản phải trả người bán ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ tiền gửi ngân hàng.

### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán.

### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Tại ngày 30/6/2021, Tổng Giám đốc đánh giá Công ty không có rủi ro về lãi suất do Công ty không có các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

### *Rủi ro về giá chứng khoán*

Tại ngày 30/6/2021, Công ty không có rủi ro về giá chứng khoán do Công ty không còn nắm giữ khoản đầu tư chứng khoán nào.

## **14. Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

### *Tài sản tài chính*

Xem thuyết minh IV.4.

### *Nợ phải trả tài chính*

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt tại quỹ	-	349.974.331
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	35.967.011.769	24.816.701.631
<b>Cộng</b>	<b><u>35.967.011.769</u></b>	<b><u>25.166.675.962</u></b>

**2. Trả trước cho người bán**

Là khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Tư vấn đầu tư Việt Nam.

**3. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Công nghệ in ấn và tem nhãn Thái Dương	12.500.000	12.500.000
Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Sài Gòn	17.500.000	17.500.000
Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt	-	770.000.000
Công ty Cổ phần Quảng cáo tổ chức sự kiện và tư vấn Vạn Tín	-	1.355.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>30.000.000</u></b>	<b><u>2.155.000.000</u></b>

**4. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	<b>7.624.369.175</b>
Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt	-	4.300.000.000
Công ty Cổ phần Mua bán nợ Miền Nam (SDTC) <sup>(i)</sup>	-	3.324.369.175
<i>Phải thu tổ chức và cá nhân khác</i>	-	<b>1.783.000</b>
Quỹ tín dụng nhân dân Đông Sài Gòn	-	1.783.000
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>7.626.152.175</u></b>

<sup>(i)</sup> Khoản phải thu khó đòi đã được trích lập dự phòng 100% và đã thu hồi trong kỳ (xem Thuyết minh V.5).**5. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu**

	<u>Số dư công nợ cuối kỳ</u>	<u>Giá trị dự phòng phải thu khó đòi</u>		
		<u>Số đầu năm</u>	<u>Mức trích lập/hoàn nhập kỳ này</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
<i>Các khoản phải thu bên liên quan</i>	<b>4.454.369.175</b>	<b>4.454.369.175</b>	<b>(4.454.369.175)</b>	-
Công ty Cổ phần mua bán nợ Miền Nam (SDTC) <sup>(i)</sup> – phải thu khác	3.324.369.175	3.324.369.175	(3.324.369.175)	-
Công ty Cổ phần mua bán nợ Miền Nam (SDTC) – đặt cọc	1.130.000.000	1.130.000.000	(1.130.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.454.369.175</u></b>	<b><u>4.454.369.175</u></b>	<b><u>(4.454.369.175)</u></b>	<b><u>-</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

Tình hình biến động dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	4.454.369.175	4.454.369.175
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	(4.454.369.175)	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>4.454.369.175</b>

### 6. Chi phí trả trước

#### 6a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	-	6.382.773
Chi phí khác	15.820.000	1.600.000
<b>Cộng</b>	<b>15.820.000</b>	<b>7.982.773</b>

#### 6b. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí công cụ, dụng cụ đã phân bổ hết giá trị tại thời điểm cuối kỳ.

### 7. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược

#### 7a. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Là khoản tiền đặt cọc cho Công ty Cổ phần Mua bán nợ Miền Nam đã thu lại trong kỳ.

#### 7b. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư địa ốc Hợp Nhất	-	111.244.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	10.000.000	10.000.000
Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam	5.000.000	5.000.000
<b>Cộng</b>	<b>15.000.000</b>	<b>126.244.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)****8. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	1.136.566.194	825.536.363	414.122.454	2.376.225.01
Thanh lý, nhượng bán	(1.136.566.194)	(825.536.363)	(414.122.454)	(2.376.225.011)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	1.136.566.194	335.627.910	414.122.454	1.886.316.558
Khấu hao trong kỳ	-	42.996.684	-	42.996.684
Thanh lý, nhượng bán	(1.136.566.194)	(378.624.594)	(414.122.454)	(1.929.313.242)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm		489.908.453		489.908.453
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

**9. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	<b>Bản quyền, bằng sáng chế</b>	<b>Phần mềm máy vi tính</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	253.826.305	2.585.295.000	2.839.121.305
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>253.826.305</b>	<b>2.585.295.000</b>	<b>2.839.121.305</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	253.826.305	2.299.695.000	2.553.521.305
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	253.826.305	2.442.495.000	2.696.321.305
Khấu hao trong kỳ		35.700.000	35.700.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>253.826.305</b>	<b>2.478.195.000</b>	<b>2.732.021.305</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	-	142.800.000	142.800.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>107.100.000</b>	<b>107.100.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

### 10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trung tâm Bưu chính Sài Gòn	-	1.006.940
Công ty TNHH Thương mại Nguyễn Quỳnh	-	3.330.000
Các nhà cung cấp khác	-	930.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>5.266.940</b>

### 11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Môi trường đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	79.200.000	79.200.000
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	74.800.000	74.800.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 2	104.800.000	104.800.000
Các đối tượng khác	416.500.000	466.500.000
<b>Cộng</b>	<b>675.300.000</b>	<b>725.300.000</b>

### 12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập cá nhân	53.922.640	19.978.160	(24.052.400)	49.848.400
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>53.922.640</b>	<b>22.978.160</b>	<b>(27.052.400)</b>	<b>49.848.400</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Tư vấn đầu tư chứng khoán Không chịu thuế
- Hoạt động khác 10%

### 13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả chi phí tiền điện	-	11.767.000
Phải trả chi phí Internet	20.478.000	10.639.000
Chi phí phải trả khác	-	20.000.000
<b>Cộng</b>	<b>20.478.000</b>	<b>42.406.000</b>

### 14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả, phải nộp khác - Liên quan đến GDCK	-	7.594.436
Phải trả, phải nộp khác - Ngoài hoạt động GDCK	-	182.677.138
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>190.271.574</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

### 15. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	56.000.000.000	(19.839.688.996)	36.160.311.004
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	(2.083.119.101)	(2.083.119.101)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>56.000.000.000</b>	<b>(21.922.808.097)</b>	<b>34.077.191.903</b>
Số dư đầu năm nay	56.000.000.000	(23.423.907.357)	32.576.092.643
Lợi nhuận trong kỳ này	-	3.501.656.527	3.501.656.527
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>56.000.000.000</b>	<b>(19.922.250.830)</b>	<b>36.077.749.170</b>

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy phép đầu tư/Sổ đăng ký cổ đông		Vốn pháp định/điều lệ đã đầu tư (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)	
Ông Nguyễn Tiên Phong	12.240.000.000	21,9%	12.240.000.000
Ông Nguyễn Công Tuấn	36.560.000.000	65,3%	36.560.000.000
Bà Phạm Thanh Huyền	3.600.000.000	6,4%	3.600.000.000
Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh	1.800.000.000	3,2%	1.800.000.000
Bà Đỗ Thị Bích Huệ	1.800.000.000	3,2%	1.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>56.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>56.000.000.000</b>

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu hoạt động

Là doanh thu dịch vụ tư vấn tài chính.

### 2. Chi phí hoạt động

Là chi phí hoạt động của dịch vụ tư vấn tài chính.

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

#### 4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	108.415.148	331.508.400
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.319.997	6.522.405
Chi phí khấu hao TSCĐ	78.696.684	87.296.028
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(4.454.369.175)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.307.872	416.170.171
Chi phí bằng tiền khác	21.391.039	4.940.311
<b>Cộng</b>	<b>(4.097.238.435)</b>	<b>849.437.315</b>

#### 5. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	500.000.000	-
Thu nhập từ thanh lý CCDC	11.000.000	-
Các khoản thu nhập khác	7.594.436	-
<b>Cộng</b>	<b>518.594.436</b>	<b>-</b>

#### 6. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhượng bán, thanh lý TSCĐ	446.911.769	-
Chi phí thanh lý CCDC	19.628.443	-
<b>Cộng</b>	<b>466.540.212</b>	<b>-</b>

#### 7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu/ thu nhập pha loãng trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.501.656.527	(2.083.119.101)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.501.656.527	(2.083.119.101)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.600.000	5.600.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu/ thu nhập pha loãng trên cổ phiếu</b>	<b>625</b>	<b>(372)</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ chi bao gồm lương của Ông Đặng Quang Tý - Tổng Giám đốc, số tiền là 71.021.700 VND (số kỳ trước là 208.181.700 VND).

### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt	Cổ đông lớn (đến ngày 15 tháng 6 năm 2021)
Công ty Cổ phần Mua bán nợ Miền Nam	Kiểm soát chung bởi cổ đông chi phối (đến ngày 15 tháng 6 năm 2021)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh trong kỳ với giữa Công ty và các bên liên quan như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt		
Thu nhập thanh lý tài sản cố định	500.000.000	-
Thu nhập thanh lý công cụ, dụng cụ	11.000.000	-
Thu hồi tiền từ Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt	5.575.411.812	8.800.000.000
Công ty Cổ phần Mua bán nợ Miền Nam		
Thu hồi công nợ và tiền đặt cọc	4.454.369.175	-

Số dư với các bên liên quan khác

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.4, V.7a.

## 2. Thông tin về bộ phận

Trong kỳ, hoạt động chính của Công ty là tư vấn đầu tư chứng khoán trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

## 3. Số liệu so sánh

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ** (tiếp theo)

#### 4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Lập, ngày 12 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu

Phan Thị Minh Huyền

Q. Kế toán trưởng

Phan Thị Minh Huyền

Tổng Giám đốc



Đặng Quang Tý



**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**  
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**CHỨNG KHOÁN ASC**



## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 – 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
4. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	6 – 15
5. Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	16 – 26

\*\*\*\*\*



**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 106/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08 tháng 4 năm 2009.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp bổ sung các Giấy phép sau:

- Quyết định số 71/UBCK-GCN ngày 08 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán cho Công ty.
- Quyết định số 313/UBCK-GP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty.
- Quyết định số 327/UBCK-GP ngày 26 tháng 05 năm 2010 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc thay đổi địa điểm trụ sở chính của Công ty.
- Quyết định số 98/GPĐC-UBCK ngày 06 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 36.000.000.000 VND lên 56.000.000.000 VND.
- Quyết định số 36/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc thay đổi tên Công ty.
- Quyết định số 04/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc rút nghiệp vụ Môi giới chứng khoán.

**Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (28) 3825 8106
- Fax : +84 (28) 3825 8655

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: Tư vấn đầu tư chứng khoán.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm</b>
Ông Nguyễn Công Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2021
Ông Nguyễn Tiên Phong	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2021
Bà Phạm Thanh Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2021
Ông Phan Minh Hoàn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2021
Ông Đặng Quang Tý	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2021
Bà Đặng Vũ Thanh Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2021

**Ban Kiểm soát**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Ngày bổ nhiệm</b>
Ông Nguyễn Thái Minh	Trưởng ban	Ngày 26 tháng 4 năm 2018
Bà Đặng Thị Minh Thư	Thành viên	Ngày 23 tháng 12 năm 2014

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### **Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đặng Quang Tý - bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2013.

### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ là Ông Phan Minh Hoàn – Chủ tịch Hội đồng Quản trị (đến ngày 07 tháng 7 năm 2021) và Ông Nguyễn Công Tuấn – Chủ tịch Hội đồng Quản trị (từ ngày 08 tháng 7 năm 2021).

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Công ty.

### **Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo quy định của Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính.

Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính khi lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2021.

### **Phê duyệt Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính**

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đính kèm. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được lập phù hợp với các quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.



**Đặng Quang Tý**

Ngày 12 tháng 08 năm 2021



Head Office	: 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho	: I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0474/21/TC-AC

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

**Kính gửi: CÁC CỎ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC, được lập ngày 12 tháng 8 năm 2021, từ trang 07 đến trang 26.

### **Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phù hợp với Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ vào ngày 12 tháng 8 năm 2020 và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 vào ngày 29 tháng 3 năm 2021 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc**  
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 0368-2018-008-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2021

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Số:

V/v: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2021

Chúng tôi cam đoan rằng:

- Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 91/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính.
- Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

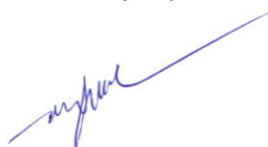
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2021

Q. Kế toán trưởng



Phan Thị Minh Huyền

Trưởng Bộ phận Kiểm  
soát nội bộ



Nguyễn Thị Mỹ Tiên

Tổng Giám đốc



Đặng Quang Tý

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A, tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
**BẢO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

**I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	56.000.000.000		
2.	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-		
3.	Cổ phiếu quỹ	-		
4.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – Cấu phần vốn	-		
5.	Vốn khác của chủ sở hữu	-		
6.	lý	-		
7.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-		
8.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-		
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(19.922.250.830)		
11.	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	-		
12.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
13.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
14.	Các khoản nợ có thể chuyển đổi	-		
15.	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính	-		
16.	Vốn khác (nếu có)	-		
	<b>TỔNG</b>	<b>36.077.749.170</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1A.	<b>TỔNG</b>	<b>36.077.749.170</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A, tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

**I. Bảng tính vốn khả dụng (tiếp theo)**

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
<b>I.</b>	<b>Tài sản tài chính</b>			<b>30.000.000</b>
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền			-
	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua			
2.	lãi/lỗ (FVTPL)			
	<i>Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường</i>			-
	<i>Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng</i>			-
	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
3.	(HTM)			
	<i>Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường</i>			-
	<i>Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng</i>			-
4.	Các khoản cho vay			-
5.	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)			
	<i>Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường</i>			-
	<i>Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng</i>			-
6.	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài			
	chính và tài sản thế chấp			-
7.	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản			
	tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi			
	từ các tài sản tài chính)			
	<i>Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán</i>			
	<i>còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			-
	<i>Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán</i>			
	<i>còn lại trên 90 ngày</i>			-
8.	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			
	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng			
9.	ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có			
	bảo đảm			-
10.	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán			
	cung cấp			30.000.000
	<i>Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán</i>			
	<i>còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			-
	<i>Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán</i>			
	<i>còn lại trên 90 ngày</i>			30.000.000
11.	Phải thu nội bộ			
	<i>Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn</i>			
	<i>lại từ 90 ngày trở xuống</i>			-
	<i>Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn</i>			
	<i>lại trên 90 ngày</i>			-
12.	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
	<i>Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán</i>			
	<i>còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			-
	<i>Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán</i>			
	<i>còn lại trên 90 ngày</i>			-
13.	Các khoản phải thu khác			
	<i>Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán</i>			
	<i>còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			-
	<i>Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán</i>			
	<i>còn lại trên 90 ngày</i>			-
14.	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A, tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

**I. Bảng tính vốn khả dụng (tiếp theo)**

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
<b>II.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>			<b>725.989.301</b>
1.	Tạm ứng			675.300.000
	<i>Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			-
	<i>Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày</i>			675.300.000
2.	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ			-
3.	Chi phí trả trước ngắn hạn			15.820.000
4.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn			-
5.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ			24.969.301
6.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			-
7.	Tài sản ngắn hạn khác			9.900.000
8.	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác			-
<b>1B.</b>	<b>TỔNG</b>			<b>755.989.301</b>
<b>I.</b>	<b>Tài sản tài chính dài hạn</b>			
1.	Các khoản phải thu dài hạn			
2.	Các khoản đầu tư			
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
	<i>Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường</i>			-
	<i>Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng</i>			-
2.2	Đầu tư vào công ty con			-
2.3	Đầu tư dài hạn khác			-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>			<b>107.100.000</b>
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>			-
<b>IV.</b>	<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>			-
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>			<b>15.000.000</b>
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn			15.000.000
2.	Chi phí trả trước dài hạn			-
3.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			-
4.	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán			-
5.	Tài sản dài hạn khác			-
<b>VI.</b>	<b>Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn</b>			
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5			-
<b>1C.</b>	<b>TỔNG</b>			<b>122.100.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A, tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

**I. Bảng tính vốn khả dụng (tiếp theo)**

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
1	Giá trị ký quỹ			
	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán			
1.1	của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam			-
	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác			
1.2	thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ			-
	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh			
1.3	thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			-
	Giá trị tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phải			
2	trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày			-
<b>1D.</b>	<b>TỔNG</b>			<b>-</b>
<b>VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C - 1D</b>		<b>35.199.659.869</b>		

Lập, ngày 12 tháng 08 năm 2021

Q. Kế toán trưởng



Phan Thị Minh Huyền

Trưởng Bộ phận  
Kiểm soát Nội bộ


Nguyễn Thị Mỹ Tiên

Tổng Giám đốc



Đặng Quang Tý

5-002-C  
HÀNH  
TY  
HỮU HẠ  
VÀ TƯ VẤN  
C  
IA NỘI  
- TP. H

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A, tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH****II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

**A - RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro (3) = (1) * (2)
	(%) (1)		
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>		<b>35.967.011.769</b>	<b>-</b>
1. Tiền mặt (VND)	0	35.967.011.769	-
2. Các khoản tương đương tiền	0	-	-
3. Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0	-	-
<b>II. Trái phiếu Chính phủ</b>			
4. Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0	-	-
5. Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định			
5.1 Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD, Trái phiếu chính quyền địa phương	3	-	-
<b>III. Trái phiếu tổ chức tín dụng</b>			
6. Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	3	-	-
Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8	-	-
Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
<b>IV. Trái phiếu doanh nghiệp</b>			
7. Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết			
Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8	-	-
Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	-	-
8. Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết			
Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	-	-
Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25	-	-
Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30	-	-
Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25	-	-
Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30	-	-
Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35	-	-
Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40	-	-





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A, tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
 BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

**II. Bảng tính giá trị rủi ro (tiếp theo)**

Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
	(%) (1)		
<b>IV. Cổ phiếu</b>			
9. Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10	-	-
10. Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15	-	-
11. Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20	-	-
12. Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30	-	-
13. Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50	-	-
<b>V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán</b>			
14. Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10	-	-
15. Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30	-	-
<b>VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch</b>			
16. Chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết bị nhắc nhở do chậm công bố thông tin báo cáo tài chính kiểm toán/soát xét theo quy định	30	-	-
17. Chứng khoán niêm yết bị cảnh báo	20	-	-
18. Chứng khoán niêm yết bị kiểm soát	25	-	-
19. Chứng khoán bị tạm ngừng, hạn chế giao dịch	40	-	-
20. Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	80	-	-
<b>VII. Chứng khoán phái sinh</b>			
21. Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8	-	-
22. Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3	-	-
23. Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25	-	-
24. Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100	-	-
25. Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8	-	-
26. Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	10	-	-
27. Cổ phiếu, trái phiếu của công ty chưa đại chúng phát hành không có báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất đến thời điểm lập báo cáo hoặc có báo cáo tài chính kiểm toán nhưng có ý kiến kiểm toán là trái ngược, từ chối đưa ra ý kiến hoặc ý kiến không chấp thuận toàn phần	100	-	-
28. Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80	-	-
29. Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành		-	-
30. Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)		-	-
31. Phần chênh lệch dương giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm		-	-
<b>A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG</b>			

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A, tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

**II. Bảng tính giá trị rủi ro (tiếp theo)****B - RỦI RO THANH TOÁN**

Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
	0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
<b>I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán</b>							
1. Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác	-	-	-	-	-	-	-
2. Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
3. Vay tài sản tài chính /Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
4. Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại /Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
5. Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại /Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
<b>TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN</b>							
<b>II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán</b>							
1. Từ 0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán					16%	-	-
2. Từ 16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán					32%	-	-
3. Từ 31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán					48%	-	-
4. Trên 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán					100%	-	-
<b>TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN</b>							
<b>III. Rủi ro từ các khoản tạm ứng, hợp đồng, giao dịch khác</b>							
1. Các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn ngoài các giao dịch, hợp đồng được ghi nhận ở các điểm a, b, c, d, e, g khoản 1 Điều 10 Thông tư này; Các khoản phải thu từ mua bán nợ với đối tác giao dịch không phải Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), Công ty trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ Việt Nam (DATC) (Chi tiết từng đối tượng).					100%	-	-
Khoản tạm ứng chiếm trên 5% vốn chủ sở hữu có thời gian hoàn ứng còn lại dưới 90 ngày (Chi tiết từng đối tượng)							
<b>TỔNG RỦI RO HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH KHÁC</b>							

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A, tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

**II. Bảng tính giá trị rủi ro (tiếp theo)****C - GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG**

<b>I.</b>	<b>Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính tới tháng 6 năm 2021</b>	<b>(543.077.907)</b>
<b>II.</b>	<b>Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí (*)</b>	<b>(4.288.376.463)</b>
<b>III.</b>	<b>Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I – II)</b>	<b>3.745.298.556</b>
<b>IV.</b>	<b>25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)</b>	<b>936.324.639</b>
<b>V.</b>	<b>20% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của công ty chứng khoán</b>	<b>2.000.000.000</b>
<b>C.</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})</b>	<b>2.000.000.000</b>

<b>(*) Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí</b>		<b>(Đơn vị tính: đồng)</b>
		<b>Giá trị</b>
1.	Chi phí khấu hao	165.992.712
2.	Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	-
3.	Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	-
4.	Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(4.454.369.175)
5.	Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	-
6.	Chi phí chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-
7.	Chi phí lãi vay	-
		<b>(4.288.376.463)</b>

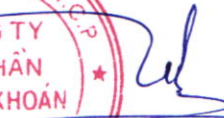
Lập, ngày 12 tháng 08 năm 2021

**Q. Kế toán trưởng**


Phan Thị Minh Huyền

**Trưởng Bộ phận  
Kiểm soát Nội bộ**


Nguyễn Thị Mỹ Tiên

**Tổng Giám đốc**


Đặng Quang Tý

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A, tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

**III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

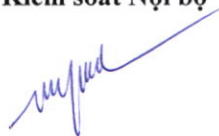
STT	CHỈ TIÊU	Vốn khả dụng /Tổng giá trị rủi ro	Ghi chú
1.	Tổng giá trị rủi ro thị trường	-	
2.	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	-	
3.	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	2.000.000.000	
4.	<b>Tổng giá trị rủi ro (4 = 1 + 2 + 3)</b>	<b>2.000.000.000</b>	
5.	<b>Vốn khả dụng</b>	<b>35.199.659.869</b>	
6.	<b>Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6 = 5/4)</b>	<b>1760%</b>	

Lập, ngày 12 tháng 08 năm 2021

Q. Kế toán trưởng

Trưởng Bộ phận  
Kiểm soát Nội bộ

Tổng Giám đốc



Phan Thị Minh Huyền

Nguyễn Thị Mỹ Tiên

Đặng Quang Tý



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP.Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021  
Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Tổng số công nhân viên** : 09 người.

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

#### 1. Văn bản pháp lý áp dụng

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Công ty được lập và trình bày theo quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (“Báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng”) này được lập trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày lập báo cáo.

Các cách thức diễn giải được áp dụng trong trường hợp không có hướng dẫn cụ thể trong Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 và các văn bản khác.

Trong quá trình lập và trình bày báo cáo này, do Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 chưa có hướng dẫn cụ thể nên Công ty đã áp dụng các diễn giải dưới đây cho một số khoản mục dựa trên hiểu biết và đánh giá của Công ty. Cụ thể như sau:

STT	Khoản mục	Cách thức diễn giải của Công ty
1	Chỉ tiêu “Tiền mặt VND” (Khoản 2 Điều 9 – Giá trị rủi ro thị trường)	Chỉ tiêu “Tiền mặt VND” bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

**Đồng tiền trên báo cáo:** Công ty thực hiện lập báo cáo bằng đồng Việt Nam.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)**

---

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ văn bản pháp lý

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

### 1. Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tỷ lệ vốn khả dụng được xác định theo công thức quy định trong Thông tư 91/2020/TT-BTC như sau:

Tỷ lệ vốn khả dụng = (Vốn khả dụng/Tổng giá trị rủi ro) x 100%

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

### 2. Vốn khả dụng

Vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu sẵn sàng để đáp ứng các nghĩa vụ đến hạn trong vòng 90 ngày, cụ thể như sau:

- Vốn góp của chủ sở hữu, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – cấu phần vốn;
- Vốn khác của chủ sở hữu;
- Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập phù hợp với quy định của pháp luật;
- Lợi nhuận chưa phân phối.
- Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản
- Năm mươi phần trăm (50%) phần giá trị tăng thêm của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật (trong trường hợp định giá tăng), hoặc trừ đi toàn bộ phần giá trị giảm đi (trong trường hợp định giá giảm);
- Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chi tiêu đầu tư tài chính;
- Vốn khác (nếu có);

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP.Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)**

---

### ***Vốn khả dụng được điều chỉnh tăng thêm bởi các khoản mục sau:***

- Giá trị của các khoản nợ có thời hạn ban đầu là năm (05) năm của Công ty có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu;
- Các khoản nợ có thời hạn ban đầu trên mười (10) năm đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty cũng như các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Tổng giá trị các khoản trên được sử dụng để bổ sung vốn khả dụng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu. Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và các khoản nợ đã được đăng ký bổ sung vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu trong thời gian 5 năm cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán hoặc chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và khấu trừ tiếp mỗi quý 25% từ phần giá trị còn lại sau khi đã khấu trừ trong thời hạn 04 quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán hoặc chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

### ***Vốn khả dụng được điều chỉnh giảm bởi các khoản mục sau:***

- Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các khoản đầu tư (trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị ghi sổ so với giá thị trường xác định theo Thông tư số 91/2020/TT-BTC), không bao gồm chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty cũng như chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên (90) ngày, kể từ ngày lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.
- Năm mươi phần trăm (50%) toàn bộ phần giá trị giảm đi của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật.
- Vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phiếu quỹ.
- Các tài sản ngắn hạn và dài hạn có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày
- Các khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến (nếu có) trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà chưa được trừ ra khỏi vốn khả dụng.

Khi xác định các chỉ tiêu tài sản giảm trừ khỏi vốn khả dụng, tổ chức kinh doanh chứng khoán được điều chỉnh giảm bớt phần giá trị giảm trừ như sau:

- Đối với tài sản dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ của chính tổ chức kinh doanh chứng khoán, thì khi tính giảm trừ được giảm đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị thị trường của tài sản đó (xác định theo Thông tư số 91/2020/TT-BTC), giá trị sổ sách, giá trị còn lại của nghĩa vụ;
- Đối với tài sản được bảo đảm bằng tài sản của khách hàng, khi tính giảm trừ được giảm đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị tài sản bảo đảm xác định theo quy định Thông tư số 91/2020/TT-BTC, giá trị sổ sách.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

### 3. Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu và dự kiến sẽ sở hữu theo cam kết bảo lãnh phát hành biến động theo chiều hướng bất lợi.

**Các tài sản không tính Giá trị rủi ro thị trường, bao gồm:**

- Cổ phiếu quỹ.
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty cũng như Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày, kể từ ngày lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.
- Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn.
- Chứng khoán đã được phòng ngừa rủi ro bởi chứng quyền bán hoặc hợp đồng tương lai; Chứng quyền bán và hợp đồng quyền bán được sử dụng để phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở

**Công thức xác định:**

Giá trị rủi ro thị trường = Vị thế ròng x Giá tài sản x Hệ số rủi ro thị trường

Trong đó, các yếu tố được xác định theo Thông tư số 91/2020/TT-BTC, như sau:

**Vị thế ròng của chứng khoán** là số lượng chứng khoán đang nắm giữ của Công ty tại thời điểm lập báo cáo, sau khi đã điều chỉnh giảm số chứng khoán cho vay, số chứng khoán được phòng ngừa bởi chứng quyền bán, hợp đồng tương lai và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật.

#### **Giá tài sản**

a) *Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ*

Giá trị của tiền bằng VNĐ là số dư tài khoản tiền mặt tại ngày tính toán.

Giá trị của tiền bằng ngoại tệ là giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng ("TCTD") được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày tính toán.

Giá trị của tiền gửi kỳ hạn và các công cụ thị trường tiền tệ bằng giá trị tiền gửi/giá mua cộng lãi lũy kế chưa được thanh toán tới ngày tính toán.

b) *Trái phiếu*

Giá trị của trái phiếu niêm yết là giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán của giao dịch thông thường tại ngày giao dịch gần nhất cộng lãi lũy kế. Trong trường hợp trái phiếu không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá mua cộng lãi lũy kế; Mệnh giá cộng lãi lũy kế; Giá xác định theo phương pháp nội bộ, bao gồm cả lãi lũy kế.

Giá trị của trái phiếu chưa niêm yết là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá niêm yết trên các hệ thống báo giá do Công ty lựa chọn (nếu có) cộng lãi lũy kế; Giá mua cộng lãi lũy kế; Mệnh giá cộng lãi lũy kế; Giá xác định theo phương pháp nội bộ, bao gồm cả lãi lũy kế.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

### c) Cổ phiếu

Giá trị của cổ phiếu niêm yết và giá trị của cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên UpCom là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán.

Giá trị của cổ phiếu đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên sàn UpCom nhưng không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, hoặc cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch: Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Giá trị của cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch: Là giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán không liên quan đến Công ty tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán. Trường hợp cổ phiếu không có đủ báo giá từ tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá từ các báo giá; Giá của kỳ báo cáo gần nhất; Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá theo quy định nội bộ của Công ty.

### d) Cổ phần, phần vốn góp khác

Giá trị cổ phần, phần vốn góp khác là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá trị sổ sách; giá mua/giá trị vốn góp; giá theo quy định nội bộ của Công ty.

### e) Quỹ/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán

Giá trị quỹ đóng đại chúng là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán. Trường hợp quỹ đóng đại chúng không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị quỹ được tính bằng (Giá trị tài sản ròng ("NAV")/1 Chứng chỉ quỹ) tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

Giá trị Quỹ thành viên/Quỹ mở/cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán phát hành riêng lẻ bằng NAV trên một đơn vị phần vốn góp/đơn vị chứng chỉ quỹ/cổ phiếu tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

### f) Tài sản cố định

Giá trị của tài sản cố định là Quyền sử dụng đất, nhà cửa/vật kiến trúc bao gồm cả các hạng mục xây dựng dở dang và các tài sản cố định khác được xác định bởi tổ chức định giá do công ty chứng khoán lựa chọn.

Giá trị của các trang thiết bị, máy móc, phương tiện... được xác định là giá trị còn lại của tài sản.

### g) Chứng khoán khác

Giá trị chứng quyền có đảm bảo do tổ chức kinh doanh chứng khoán khác phát hành là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất hoặc giá mua nếu chứng quyền có bảo đảm chưa niêm yết.

Giá trị cổ phiếu niêm yết trên thị trường nước ngoài là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán và giá này phải được chuyển đổi sang đồng tại ngày tính toán. Trường hợp cổ phiếu niêm yết trên thị trường nước ngoài không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá theo quy định nội bộ của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP.Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)**

### *Hệ số rủi ro thị trường*

Hệ số rủi ro thị trường được xác định theo Thông tư số 91/2020/TT-BTC.

### *Điều chỉnh tăng giá trị rủi ro thị trường*

Giá trị rủi ro thị trường của mỗi tài sản xác định sẽ phải điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh.

Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư chiếm từ 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh doanh chứng khoán.
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 15% tới 25% Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh doanh chứng khoán.
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 25% trở lên Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

Công ty phải điều chỉnh tăng thêm các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi nếu phát sinh (đối với chứng khoán), hoặc lãi cho vay (đối với tiền gửi và các khoản tương đương tiền công cụ chuyên nhượng, giấy tờ có giá) vào giá tài sản khi xác định giá trị rủi ro thị trường.

#### **4. Giá trị rủi ro thanh toán**

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn theo cam kết.

Khi kết thúc ngày giao dịch, Công ty xác định giá trị rủi ro thanh toán đối với các hợp đồng, giao dịch sau:

- Đối với Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, chứng chỉ tiền gửi do các toor chức tin dụng phát hành; Hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; Hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; Hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; Hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật, các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản có khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán, giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng; Giá trị rủi ro thanh toán được xác định như sau:

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro

- Đối với Hợp đồng bảo lãnh phát hành ký với các tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà tổ chức kinh doanh chứng khoán là tổ chức bảo lãnh phát hành chính: Giá trị rủi ro thanh toán được xác định bằng 30% giá trị còn lại của các hợp đồng bảo lãnh phát hành chưa được thanh toán.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC**

Địa chỉ: Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP.Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)**

---

- Đối với các khoản phải thu đã quá hạn, kể cả trái phiếu đáo hạn, các giấy tờ có giá, công cụ nợ đã đáo hạn mà chưa được thanh toán, các khoản phải thu của Công ty, các khoản phải thu cho khách hàng trong hoạt động môi giới bán chứng khoán; Tài sản quá thời hạn chuyển giao, kể cả chứng khoán trong hoạt động kinh doanh của Công ty, chứng khoán của khách hàng trong hoạt động môi giới chứng khoán; Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; Hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; Hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; Hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; Hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật đã đáo hạn; Giá trị rủi ro thanh toán được xác định như sau:

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro

### ***Hệ số rủi ro thanh toán***

Hệ số rủi ro thanh toán được xác định theo đối tác và theo thời gian quá hạn thanh toán theo nguyên tắc quy định tại Thông tư 91/2020/TT-BTC.

Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác xác định tùy thuộc vào mức độ tín nhiệm của đối tác giao dịch.

Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán là T+2 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết); hoặc T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n theo thỏa thuận của hai bên).

### ***Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán***

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi nếu phát sinh (đối với chứng khoán), hoặc lãi cho vay, và các khoản phụ phí khác (đối với các khoản tín dụng).

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP.Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)**

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được xác định như sau:

Đối với các giao dịch mua, bán chứng khoán, cho khách hàng hoặc cho bản thân Công ty: Là giá trị thị trường của hợp đồng tính theo nguyên tắc sau:

- Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại, giao dịch cho vay mua chứng khoán ký quỹ, giao dịch bán có cam kết mua lại, giao dịch mua có cam kết bán lại, vay, cho vay chứng khoán:

STT	Loại hình giao dịch	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán
1.	Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm; các khoản phải thu từ mua bán nợ với đối tác giao dịch không phải Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam, Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam	Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, giá trị khoản cho vay, giá trị hợp đồng, giá trị giao dịch cộng với các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi (đối với chứng khoán) hoặc lãi tiền gửi, lãi cho vay, khoản phụ phí khác (đối với khoản tín dụng)
2.	Cho vay chứng khoán	$\text{Max}\{(\text{Giá trị thị trường của hợp đồng} - \text{Giá trị tài sản đảm bảo (nếu có)}), 0\}$
3.	Vay chứng khoán	$\text{Max}\{(\text{Giá trị tài sản đảm bảo} - \text{Giá trị thị trường của hợp đồng}), 0\}$
4.	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	$\text{Max}\{(\text{Giá trị hợp đồng tính theo giá mua} - \text{Giá trị thị trường của Hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường})), 0\}$
5.	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	$\text{Max}\{(\text{Giá trị thị trường của hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường}) - \text{Giá trị hợp đồng tính theo giá bán}), 0\}$
6.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	$\text{Max}\{(\text{Số dư nợ} - \text{Giá trị tài sản đảm bảo}), 0\}$

Số dư nợ là giá trị khoản vay, lãi vay và các loại phí.

Giá trị tài sản đảm bảo được xác định theo giá trị thị trường. Trong trường hợp tài sản bảo đảm của khách hàng không có giá tham khảo theo thị trường, thì được xác định theo quy định nội bộ của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)**

### ➤ Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động giao dịch chứng khoán

STT	Thời gian	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro
A - Đối với các giao dịch bán chứng khoán (bên bán là tổ chức kinh doanh chứng khoán hoặc khách hàng của tổ chức kinh doanh chứng khoán trong hoạt động môi giới)		
1.	Trước thời hạn nhận thanh toán	0
2.	Sau thời hạn nhận thanh toán	Giá trị thị trường của Hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường thấp hơn Giá giao dịch)
		0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)
B - Đối với các giao dịch mua chứng khoán (bên mua là tổ chức kinh doanh chứng khoán hoặc khách hàng của tổ chức kinh doanh chứng khoán)		
1.	Trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	0
2.	Sau thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	Giá trị thị trường của Hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)
		0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)

*Đối với các khoản phải thu, trái phiếu đã đáo hạn, các công cụ nợ đã đáo hạn*

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá, cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán, chi phí có liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó (nếu có).

### *Giảm trừ giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán*

Công ty điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản bảo đảm của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Đối tác, khách hàng có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản bảo đảm là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con (sau đây gọi tắt là Sở giao dịch Chứng khoán), trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;
- Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản bảo đảm trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thỏa thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản giảm trừ được xác định như sau:

Giá trị tài sản đảm bảo = Khối lượng tài sản x Giá tài sản x (1 - Hệ số rủi ro thị trường)

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP.Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)**

---

Khi xác định giá trị rủi ro thanh toán, Công ty được bù trừ ròng song phương giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Rủi ro thanh toán liên quan tới cùng một đối tác;
- Rủi ro thanh toán phát sinh đối với cùng một loại hình giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư 91/2020/TT-BTC;
- Việc bù trừ ròng song phương đã được các bên thống nhất trước bằng văn bản.

**Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:**

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 10% đến 15% vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 15% đến 25% vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ trên 25% vốn chủ sở hữu trở lên.

Trường hợp đối tác đã hoàn toàn mất khả năng thanh toán, toàn bộ khoản thiệt hại tính theo giá trị hợp đồng phải được giảm trừ đi từ vốn khả dụng.

02-C  
H  
Y  
TU HAI  
U VA  
ĐỊ  
P. HA

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASC

Địa chỉ: Tầng 5A, Tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)**

### 5. Giá trị rủi ro hoạt động

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, do các nguyên nhân khác quan khác.

Rủi ro hoạt động của Công ty được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới tháng gần nhất, hoặc 20% vốn pháp định theo quy định của pháp luật, tùy thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ, trừ đi:

- Chi phí khấu hao;
- Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn và tài sản thế chấp;
- Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn;
- Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu;
- Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản ngắn hạn khác;
- Chi phí chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ;
- Chi phí lãi vay.

Lập, ngày 12 tháng 08 năm 2021

Q. Kế toán trưởng

Trưởng Bộ phận  
Kiểm soát Nội bộ

Tổng Giám đốc



Phan Thị Minh Huyền

Nguyễn Thị Mỹ Tiên

Đặng Quang Tý